TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2024/DS-ST
Ngày 26 – 12 – 2024
"V/v tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 615/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2024/QĐXXST-DS ngày 11/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trang Quang T, sinh ngày 21/11/1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 44, đường NT, khóm S, phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4, đường NT, khóm S, phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trang Quang T trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2021, ông Trang Quang T có cho vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay có làm biên nhận, vợ chồng bà Y có đóng lãi đầy đủ. Đến tháng 12/2023, ông Trang Quang T tiếp tục cho vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay có làm biên nhận. Quá trình vay vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y có trả lãi cho ông được 10 tháng, mỗi tháng đóng 2.500.000 đồng với tổng số tiền 25.000.000 đồng và trả được 6.000.000 đồng tiền vốn, 3.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng thì ngưng. Ông có yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y đóng lãi tiếp nhưng vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Ngày 10/3/2024, ông T có đến nhà bà Y thỏa thuận chốt nợ thì bà Y thừa nhận còn nợ ông T tổng số tiền là 114.000.000

đồng, trong đó gồm tiền vốn 64.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 7/2022 đến ngày viết giấy mượn tiền 10/3/2024 là 50.000.000 đồng. Khi viết giấy mượn tiền bà Y hứa mỗi tháng trả cho ông 5.000.000 đồng nhưng bà Y chỉ trả được 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Nay ông Trang Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng Y trả cho ông số tiền còn nợ 112.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi 10.000.000 đồng tính từ ngày 10/3/2024 đến ngày 10/9/2024; yêu cầu bà Y tiếp tục trả lãi từ ngày 11/9/2024 đến khi Tòa án tuyên án sơ thẩm. Đối với chồng bà Y tên Phan Tấn Đạt hiện ông không biết ở đâu, vì vậy ông T không đặt ra yêu cầu ông Đạt liên đới cùng bà Y trả nợ, đề nghị Tòa án không đưa ông Đạt vào tham gia tố tụng cùng vụ án. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ông Trang Quang T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông T không yêu cầu bà Y trả lãi từ ngày 11/3/2024 đến ngày tuyên án sơ thẩm.

- *Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Hồng Y là bị đơn trình bày:*

Vào tháng 08/2021, vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y có vay của ông Trang Quang T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay có làm biên nhận. Đến tháng 12/2023, vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y có vay thêm của ông T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay có làm biên nhận. Quá trình vay vợ chồng bà Nguyễn Hồng Y có trả lãi cho ông T được 10 tháng với tổng số tiền 25.000.000 đồng và trả được 6.000.000 đồng tiền vốn, 3.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng thì ngưng do không có khả năng trả lãi và vốn cho ông T nữa. Ngày 10/3/2024, ông T đến nhà gặp bà Y chốt lại số tiền nợ bà còn thiếu là 114.000.000 đồng, trong đó gồm 64.000.000 đồng tiền vốn và 50.000.000 đồng tiền lãi là 50.000.000 đồng tính từ tháng 7/2022 đến ngày viết giấy mượn tiền 10/3/2024. Khi viết giấy mượn tiền bà Y có hứa mỗi tháng trả cho ông T 5.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Y chỉ trả được cho ông T được 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Nay bà Y thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán ông T số tiền vốn 62.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà Y xin trả dần cho ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Đối với tiền lãi bà Y yêu cầu không phải trả lãi cho ông T.

Đối với chồng bà Y tên Phan Tấn Đ hiện nay sinh sống tại địa chỉ nào thì bà Y không biết nên không cung cấp được địa chỉ của ông Đ. Bà Y nhận trách nhiệm cá nhân trả nợ cho ông T mà không đặt ra trách nhiệm liên đới cùng ông Đ thanh toán nợ cho ông T, đề nghị Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông Trang Quang T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông T không yêu cầu bà Nguyễn Hồng Y trả lãi từ ngày 11/3/2024 đến ngày tuyên án sơ thẩm. Xét thấy việc ông Trang Quang T thay đổi yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng với quy định pháp luật, nên được chấp nhận làm cơ sở để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của khởi kiện của ông Trang Quang T về việc buộc cá nhân bà Nguyễn Hồng Y thanh toán nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trang Quang T và bị đơn bà Nguyễn Hồng Y đều trình bày tháng 8/2021 bị đơn có vay của nguyên đơn 50.000.000 đồng, đến tháng 12/2023 bị đơn vay tiếp của nguyên đơn 20.000.000 đồng, các khoản vay đều thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không xác định thời hạn thanh toán. Xét thấy lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về thời gian vay, số tiền vay, thỏa thuận mức lãi suất vay và thời hạn thanh toán như đã nêu trên là hoàn toàn thống nhất và phù hợp với nhau, nên đây là những tình tiết không phải chứng minh tại vụ án.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng vay nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất trình bày, đối với khoản vay 50.000.000 đồng bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn 25.000.000 đồng, đối với khoản vay 20.000.000 đồng bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn 3.000.000 đồng và trả vốn 6.000.000 đồng, do không còn khả năng trả tiếp tiền vốn và tiền lãi của các khoản vay nên ngày 10/3/2024 bị đơn lập "GIẤY MƯỢN TIỀN" thể hiện nội dung bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 114.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2024, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác định số tiền theo "GIẤY MƯỢN TIỀN" thể hiện 114.000.000 đồng thì trong đó gồm có tiền vốn còn nợ 64.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ 50.000.000 đồng tính từ tháng 7 năm 2022 đến ngày 10/3/2024. Sau khi lập "GIẤY MƯỢN TIỀN", nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả vốn cho nguyên đơn 2.000.000 đồng thì ngưng. Từ lời trình bày và thừa nhận trên của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn chưa thanh toán theo "GIẤY MƯỢN TIỀN" ngày 10/3/2024 là 62.000.000 đồng.

[3.3] Đối với số tiền 50.000.000 đồng còn lại theo "GIẤY MƯỢN TIỀN" ngày 10/3/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều xác định đây là số tiền lãi bị đơn còn nợ tính từ tháng 7 năm 2022 đến ngày 10/3/2024. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên, ngược lại bị đơn không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất, theo quy định của pháp luật, trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn xác định mức lãi suất vay các bên thỏa thuận là 5%/tháng tức là 60%/năm, như vậy việc thỏa thuận mức lãi suất vay như trên là cao hơn so với quy định của pháp luật, vì vậy điều chỉnh lại mức lãi suất vay theo quy định. Như vậy số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật được tính cụ thể là:

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng: Thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2021 đến ngày 10/3/2024 là 02 năm 07 tháng 09 ngày x 20%/năm x 50.000.000 đồng = 26.083.000 đồng.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn không xác định được ngày bị đơn trả 6.000.000 đồng tiền vốn, vì vậy nên thời gian tính lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng được tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/3/2024 là 03 tháng 09 ngày x 1,66%/tháng x 20.000.000 đồng = 1.095.600 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi của hai khoản vay bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tính đến ngày 10/3/2024 theo quy định của pháp luật là 27.178.600 đồng.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận bị đơn đã trả tổng số tiền lãi cho nguyên đơn 28.000.000 đồng, như vậy đối trừ tổng số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tính đến ngày 10/3/2024 theo quy định của pháp luật là 27.178.600 đồng, số tiền lãi bị đơn đã trả chênh lệch thừa cho nguyên đơn là 821.400 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 11/3/2024 đến ngày tuyên án sơ thẩm, vì vậy số tiền lãi bị đơn đã trả chênh lệch thừa cho nguyên đơn là 821.400 đồng sẽ được đối trừ vào số tiền gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 62.000.000 đồng - 821.400 đồng = 61.178.600 đồng.

[3.5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn xác định đây là nợ riêng của bị đơn Nguyễn Hồng Y, không liên quan đến ông Phan Tấn Đ, hiện nguyên đơn và bị đơn cũng không biết ông Đ đang sinh sống tại đâu, nguyên đơn và bị đơn không đặt ra trách nhiệm liên đới đối với ông Phan Tấn Đ, đồng thời có đề nghị Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng tại vụ án, vì vậy nên Hội đồng xét xử không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng tại vụ án để xem xét trách nhiệm liên đới đối với ông Đ.

[4] Như đã đánh giá trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 61.178.600 đồng.

[5] Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn là người cao tuổi, nên miễn án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trang Quang T.

Buộc bà Nguyễn Hồng Y có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trang Quang T số tiền 61.178.600 đồng (Sáu mươi mốt triệu một trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trang Quang T về việc buộc bà Nguyễn Hồng Y có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trang Quang T số tiền 50.821.400 đồng (Năm mươi triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày ông Trang Quang T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Hồng Y không thanh toán xong khoản tiền trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trang Quang T được miễn chịu án phí; bà Nguyễn Hồng Y phải chịu án phí số tiền 3.059.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Trang Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Hồng Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Việt Trung